

Group 5: Jos Dom Tan, Fx Tuan, Paul Kien

Course: Philosophical Ethics

Professor: Peter Pham Văn Ai, SJ

Topic 5. Present the main features of Kantian Ethics. How does it contribute to ethics based on human nature and ethics based on the human person (Trình bày đặc điểm chính của đạo đức theo Kant. Nó đã đóng góp gì cho đạo đức dựa trên bản chất con người và trên nhân vị)

I. Đặc điểm chính (Main features) (ngngoctan@gmail.com)

Kant đã viết: “Hai điều tràn ngập tâm tư với sự ngưỡng mộ và kính sợ luôn luôn mới mẻ và gia tăng mỗi khi nghĩ đến, đó là: bầu trời đầy sao trên đầu tôi và quy luật đạo đức ở trong tôi”. Đặc điểm chính của “quy luật đạo đức” đó là gì?

1. Câu trả lời cho các trường phái tương đối

Một điều rõ ràng là bổn phận đạo đức (moral obligation) không thể được xuất phát từ việc phân tích sự khoái cảm hay đau khổ (pleasure and pain). Thế nên, các phái duy cảm (emotivism), lý thuyết khế ước xã hội, hay duy lợi đều phải thừa nhận sự tồn tại của các bổn phận đạo đức như khẳng định thật sự sai trái khi: giết người, hiếp dâm, bắt giữ nô lệ, hay lừa dối.¹ Những điều này đặt nền cho việc tranh luận với chủ nghĩa tương đối về sự tồn tại của một quy luật đạo đức tuyệt đối.

Tranh luận về vấn đề nêu trên, trường hợp Harry Truman and Elizabeth Anscombe đã được đưa ra để tranh luận. Kết quả là, Anscombe and Geach (her husband) là những người chiến thắng về lĩnh vực triết học hàng đầu thế kỷ XX trong học thuyết quy luật đạo đức là tuyệt đối. Cũng thế, trước thế kỷ XX, triết gia lỗi lạc Kant đã tin và tranh luận cho học thuyết đó.²

2. Đạo đức về bổn phận³

Hai loại bổn phận phản ánh trên hai cấp độ của nó là bổn phận hoàn thiện và bổn phận bất toàn.

Trước hết, bổn phận hoàn thiện là bổn phận mà nếu bị vi phạm thì không thể trở thành luật tự nhiên phổ quát. Hiểu một cách khác, khi bổn phận này được thực hiện thì nó sẽ trở thành luật tự nhiên phổ quát. Vì thế, một người không thể nào hình thành trong đầu họ về một thế giới mà tất cả mọi người vi phạm bổn phận đó. Dẫn chứng cho nhiệm vụ hoàn thiện mà hướng đến chính bản thân là không thể tự tử, hướng đến người khác là không thất hứa.

Bổn phận bất toàn thì ít nghiêm khắc hơn. Đây là bổn phận mà khi bị vi phạm có thể trở thành luật tự nhiên phổ quát. Thế nhưng, không một người nào muốn điều đó xảy ra hay không

¹Montague Brown, *The Quest for Moral Foundations: An Introduction to Ethics*, Georgetown University Press: 1996, tr. 68.

²James Rachels, Sixth Edition by Stuart Rachels, *The Elements of Moral Philosophy*, Mc Graw Hill, 124-127.

³Montague Brown, op.cit, 75.

ai muốn tồn tại một luật bị vi phạm như thế. Luận chứng cho vấn đề này là sự phát triển khả năng đặc biệt của mỗi người khi quy ngã, hay sự giúp đỡ người khác khi quy chiếu vào tha nhân.

Vì vậy, khả năng phổ quát hóa (Universalization) của bốn phạm tuyệt đối bao hàm cả sự mâu thuẫn là điều có thể xảy ra. Điều có thể vi phạm trong bốn phạm bất toàn không bao hàm sự mâu thuẫn nhưng nó lại xung khắc với ý muốn của một người. Cho nên, nhiệm vụ hoàn thiện khi không thể trở thành phổ quát khi bị vi phạm sẽ là nhiệm vụ tuyệt đối cần được duy trì. Ngược lại, nhiệm vụ bất toàn có thể được đề nghị trở thành luật phổ quát khi bị vi phạm thì đáng bị loại bỏ.

3. Mệnh lệnh

a. Mệnh lệnh giả định (*Hypothetical imperative*)

Mệnh lệnh kỹ năng (imperatives of skill): tương ứng với động lực xuất phát từ sở thích cá nhân (self-interest). Minh chứng cho điều này là nếu một người muốn mát mẻ vào ngày hè nóng nực thì người ấy đi bơi như là một mệnh lệnh kỹ năng.

Mệnh lệnh khôn ngoan (imperatives of prudence): tương ứng với động lực của xu hướng trực tiếp (direct inclination). Trường hợp tương ứng là hạnh phúc như là một cùng đích của mọi đam mê cũng chỉ là xuất phát từ xu hướng trực tiếp.

*Kết luận: Mệnh lệnh giả định không mang tính luân lý. Chúng không được xem là tự do hay không tự do vì không có sự lựa chọn cứu cánh (end) để theo đuổi.

b. Mệnh lệnh tuyệt đối

Kant tin rằng bốn phạm của chúng ta là thực hiện tiếng gọi của mệnh lệnh tuyệt đối (ultimate principle hay **Categorical Imperative**) với ba phiên bản:

(i) Khả năng phổ quát hóa (Universalizability) – “Hãy hành động như thể phương châm hành động của bạn có thể trở thành một luật tự nhiên phổ quát” – “*Act only according to that maxim by which you can at the same time will that it should become a universal law*”⁴

Đây được xem như là nguyên tắc hình thức của lý tính thực hành. Điều này đòi buộc luân lý phải trở nên phổ quát. Nghĩa là, một hành động nào đó có thể được áp dụng cho mọi vật trong mọi trường hợp với tất cả mọi người. Vì thế, một hành động cần có sự thống nhất khi được áp dụng không chỉ cho chính bản thân mà còn cho người khác nữa. Một hành động nếu có thể trở thành luật tự nhiên phổ quát thì được hoàn thành. Ngược lại, hành động nào không thể trở thành luật tự nhiên phổ quát thì không được hoàn thành.

(ii) *Tôn trọng con người (Respect for Persons)*: “Hãy hành động sao cho bạn đối xử với con người, dù là nơi chính con người bạn hay ở con người kẻ khác, trong mọi trường hợp như là một mục đích tự tại, chứ không bao giờ chỉ như là phương tiện” – “*Act so that you treat humanity, whether in your own person or in that of another, always as an end and never as a means only*”⁵

⁴ James Rachels, op.cit, 128.

⁵ James Rachels, op.cit, 137.

Phiên bản thứ hai này được thừa nhận như là nguyên tắc chất thể của lý tính thực hành. Kant đã giải thích dựa trên lý trí và tự do của con người mà thừa nhận bốn phạm đạo đức, và con người là cứu cánh trong chính mỗi người. Không giống như loài vật, cỏ cây chỉ là công cụ hay có giá trị, con người được thừa nhận có giá trị nội tại nhân phẩm vô giá và không thể được thay thế. Vì con người có lý tính nên mỗi cá nhân có năng lực ra quyết định, thiết lập mục đích, và hướng dẫn đạo đức theo lý trí.

(iii) Sự tự trị (*Autonomy*, self-given law) “Theo nguyên lý này, tất cả các châm ngôn không tương hợp với ước muốn phổ quát hóa luật sẽ bị loại trừ” - “*According to this principle all maxims are rejected which are not consistent with the will’s own legislation of universal law*”.⁶

Phiên bản này như là một sự kết hợp của hai phiên bản trước theo khía cạnh phổ quát của phiên bản (i) và con người như là cứu cánh ở phiên bản (ii). Kant tuyên bố đây là phát biểu có hệ thống toàn diện nhất về bốn phạm. Con người là một hiện hữu có lý tính nghĩa là dưới bốn phạm phổ quát của lý tính thực hành (to be a rational being is to be under the universal obligation of practical reason) vì con người tự nguyên thủy đã là thế. Điều làm cho phiên bản chỉ phối các phiên bản còn lại là vì nó phân biệt giữa sở thích cá nhân và khuynh hướng trực tiếp.

II. Đóng góp của Kant cho đạo đức học dựa trên bản chất con người (paulkien89@gmail.com)

Con người là gì? Kant đã nhắc đến câu hỏi triết học này không ít lần. Nhưng ông không đưa ra câu trả lời trực tiếp cho bằng làm sáng tỏ vai trò của con người trong thế giới quan. Con người chúng ta có thể nhận thức về thế giới bằng các quan năng và sự hiểu biết. Trong thực nghiệm, tất cả những dữ kiện được thu nhận sẽ được lý trí phân định để chủ thể nhận ra được đâu là chân lý. Ví dụ, chúng ta thấy một bàn tay trước mặt và ta nói là nó tồn tại. Sau một giấc mơ, chúng ta phân định rằng mình đã mơ và nội dung của giấc mơ là ảo tưởng.

Đối với nguyên tắc của lý trí để tìm kiếm sự thống nhất là cần thiết, vì nếu không có nó chúng ta sẽ không có lý luận, không có sự hiểu biết mạch lạc nên chân lý thực nghiệm sẽ không hiển hiện đầy đủ. Ví dụ, một cô gái mua vé số và mơ thấy mình trúng số, nhưng sau đó cô bắt đầu nghi ngờ niềm tin này. Để biết sự thật, cô phải kiểm tra các số trúng và nếu thấy không phù hợp với con số thực tế trên vé thì cô phải kết luận rằng niềm tin là sai. Tương tự, đối với nghiên cứu khoa học, Kant khẳng định “lý trí là nguồn gốc của khái niệm và nguyên tắc nhất định” (reason is the origin of certain concepts and principles).

Tuy nhiên, phải chăng Kant đã có lý khi chấp nhận nhường chỗ của những hiểu biết lý trí cho niềm tin (I had to deny knowledge in order to make room for faith) khi lý trí con người sẽ tiếp cận đến thế giới siêu nghiệm như Thượng Đế, linh hồn, sự tự do, vũ trụ?

⁶Montague Brown, op.cit, 80.

Một trong những câu hỏi khó khăn nhất về quan điểm của Kant về lý trí thực hành là mối quan hệ với tự do. Đối với hữu thể hữu hạn, tự do và luật thực tiễn vô điều kiện bao hàm sự tương trợ lẫn nhau. Nói cách khác, tự do có nghĩa là lý trí thực tiễn phải được thi hành vô điều kiện để nhờ đó mà chúng ta trở thành chủ thể tuân theo các yêu cầu của Mệnh lệnh tuyệt đối.

Vậy nhằm đưa ra những lý do để hành vi chúng ta có tính thuyết phục bằng những cách thể cụ thể, chúng ta phải có một số nguyên tắc để xác định những gì tôi có thể làm. Nếu không thì hành động của chủ thể sẽ chỉ là ngẫu nhiên và do đó khó hiểu. Bên cạnh đó, một đặc điểm khác cũng được Kant đề cao liên quan đến bản chất con người mà không cần phải được minh chứng đó là ước muốn sự thiện (good will). Những đặc điểm tốt và những lợi ích của một cuộc sống tốt thì có thể trở nên tốt hoặc xấu tùy thuộc vào điều kiện thích hợp khác nhau vì chúng có thể được sử dụng vào mục đích xấu hay tốt. Nhưng thiện-chí tự nội tại là tốt. Nó độc lập hoàn toàn với các mối liên hệ ngoại tại. Chúng ta nên phát triển và hướng lý trí thực tiễn của chúng ta theo thiện-chí hơn là vì hạnh phúc.

III. Đóng góp của Kant cho nền đạo đức học dựa trên nhân vị (fx.ngtuan@gmail.com)

Đạo đức của Kant là nền đạo đức đề cao nhân vị. Nhận định trên được thể hiện rõ qua phiên bản thứ hai của Mệnh Lệnh Tuyệt Đối được phát biểu như sau: “Đừng bao giờ đối xử với con người như chỉ là một loại phương tiện, nhưng hãy luôn luôn đối xử với họ như cùng đích”⁷

Kant cho rằng con người chiếm giữ một vị trí đặc biệt trong vũ trụ. Hẳn nhiên, không phải chỉ một mình Kant mới nghĩ như vậy. Từ thời cổ đại, con người đã xem mình khác với các thụ tạo khác. Trong cái nhìn của Kant, con người vốn mang lấy một giá trị tự thân (intrinsic worth). Con người có phẩm giá khiến họ đáng giá hơn mọi thứ khác. Các loài và vật khác chỉ có giá trị trong mức độ chúng phục vụ cho mục đích của con người. Ví dụ, Kant lên án việc hành hạ thú vật, nhưng không phải bởi vì sợ làm cho con vật đau đớn, mà là vì sợ làm cho con người trở nên thô lỗ hơn khi cư xử với chính đồng loại của mình.⁸

Đối với Kant, con người là bất khả thay thế. Còn các đồ vật khác có thể thay thế được. Ví dụ khi một đồ vật nào đó bị hư, người ta có thể thay thế bằng một cái khác. Riêng con người mang một phẩm giá mà các sự vật không có.⁹

Kant đưa ra những nhận định rằng, con người mang phẩm giá, rằng con người là bất khả thay thế, dựa trên việc Kant nhìn nhận rằng con người có lý trí. Con người là hữu thể tự do có khả năng đưa ra quyết định, thiết lập những mục tiêu và hướng dẫn hành vi của mình bằng lý trí. Các loài vật không có những khả năng đó.¹⁰ Nói cách khác, con người có phẩm giá là bởi lẽ con người có lý trí.

⁷⁷ “Act in such a way that you treat humanity, whether in your own person or in the person of another, always at the same time as an end and never simply as a means” (Immanuel Kant, *Grounding for the Metaphysics of Morals*, translated by James W. Ellington, 3rd ed, Hackett, 1993, tr.30)

⁸ James Rachels, op.cit, tr. 136

⁹ Ibid, tr.136

¹⁰ Ibid, tr.137

Trở lại với Mệnh Lệnh Tuyệt Đối của Kant ở trên, việc đối xử con người như cùng đích mang nhiều ý nghĩa. Đầu tiên, đó là việc phải cư xử tốt với nhau. Chúng ta không được làm hại người khác mà phải vun vén hạnh phúc cho họ. Chúng ta phải bảo vệ sự sống của người khác như đưa ra luật buộc thắt giầy an toàn hay đội mũ bảo hiểm. Thứ hai, đối xử với con người như cùng đích là tôn trọng con người. Chúng ta không được lừa dối người khác, hay sử dụng người khác để đạt đến mục đích của mình cho dù mục đích ấy tốt đẹp như thế nào đi nữa. Hẳn nhiên người ta vẫn có thể đối xử với người khác như phương tiện, nhưng không được xem họ như “chỉ là” phương tiện.¹¹ Cuối cùng, tôn trọng con người cũng đòi hỏi tôi tôn trọng chính bản thân mình. Do đó, tôi nên chăm sóc chính mình, chú ý phát triển các tài năng của mình.¹²

Kant đã có đóng góp lớn cho nền đạo đức dựa trên nhân vị khi cho thấy tại sao chúng ta phải tôn trọng con người và chúng ta phải tôn trọng con người như thế nào. Chúng ta phải tôn trọng con người vì con người có phẩm giá. Chúng ta phải tôn trọng con người như là cùng đích chứ không phải chỉ như phương tiện. Qua đó, Kant đã trực tiếp hoặc gián tiếp phản bác những nền đạo đức xem nhẹ phẩm giá con người, coi con người như chỉ là phương tiện (như chủ thuyết duy ngã đạo đức, chủ thuyết duy hiệu).

Tài liệu tham khảo

BROWN, Montague, *The Quest for Moral Foundations: An Introduction to Ethics*, Georgetown University Press: 1996

KANT, Immanuel, *Grounding for the Metaphysics of Morals*, translated by James W. Ellington, 3rd ed, Hackett, 1993

RACHELS, James, Sixth Edition by Stuart Rachels, *The Elements of Moral Philosophy*, McGraw Hill

WILLIAMS, Garrath, "Kant's Account of Reason", *The Stanford Encyclopedia of Philosophy* (Spring 2013 Edition), Edward N. Zalta (ed.), URL = <<http://plato.stanford.edu/archives/spr2013/entries/kant-reason/>>.

<http://www.philosophypages.com/hy/5i.htm>

¹¹ Ibid, tr.138

¹² Ibid, 139